TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20 – 9 – 2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Đình Nhân

Bà Đặng Thị Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thảo Trang – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng *tham gia phiên tòa*: Bà Trần Hải Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 254/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024 về: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số 17/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Phương L, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Số X, đường T, thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Ông Giản Đình N, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Số X, đường T, thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 4 năm 2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Bùi Phương L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Giản Đình N đăng ký kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 149 ngày 22/5/2017. Hôn nhân do hai

bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại số nhà X, đường T, thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông N có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác tại công ty nơi ông N làm việc, từ đó tình cảm vợ chồng không còn như trước, thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã, không tìm được tiếng nói chung. Hai bên nhiều lần ngồi lại nói chuyện với nhau nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện, mâu thuẫn ngày càng nhiều hơn trực tiếp ảnh hưởng đến cuộc sống của cả hai bên và tâm lý của con. Thời gian qua vợ chồng sống chung tại nơi tạm trú và có trách nhiệm lo cho con, ngoài ra không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Giản Đình N.

Về con chung: Bà L và ông N có 01 con chung tên Giản Bùi Bình A, sinh ngày 06/10/2016. Khi ly hôn, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Giản Bùi Bình A cho đến ngày con thành niên, bà L yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Giản Đình N đã được triệu tập nhưng không đến Toà án làm việc, không có ý kiến trình bày.

Tòa án không tiến hành hòa giải được do ông N triệu tập không đến Toà và bà L yêu cầu không tiến hành hoà giải.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi nghị án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử là đúng quy định. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Bùi Phương L, cho bà Bùi Phương L và ông Giản Đình N được ly hôn; Về con chung: Giao con chung Giản Bùi Bình A, sinh ngày 06/10/2016 cho bà Bùi Phương L trực tiếp nuôi dưỡng, buộc ông Giản Đình N cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xuất phát từ việc bà Bùi Phương L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn và yêu cầu nuôi con chung đối với ông Giản Đình N. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Bị đơn cư trú tại thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Bùi Phương L và ông Giản Đình N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 149 ngày 22/5/2017, hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông N là hợp pháp. Theo bà L trình bày thì cuộc sống chung sau khi kết hôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông N không chung thuỷ, từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vả, bà L xác định không còn tình cảm với ông N nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông N. Toà án đã thông báo cho ông N về yêu cầu ly hôn của bà L, ông N biết nhưng không có ý kiến gì, thể hiện thái độ của ông N là thờ ơ, bỏ mặc không có thiện chí mong muốn hòa giải, hàn gắn tình cảm với bà L. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã động viên bà L rút đơn ly hôn nhưng bà L vẫn kiên quyết ly hôn. Nhận thấy mâu thuẫn của hai bên lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Bùi Phương L, cho bà Bùi Phương L được ly hôn với ông Giản Đình N.

[4] Về con chung: Bà L và ông N có 01 con chung tên Giản Bùi Bình A, sinh ngày 06/10/2016. Ly hôn bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con thành niên. Xét yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà L thì thấy con Bình A trên 7 tuổi có nguyện vọng muốn ở với mẹ, con lại là con gái rất cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Mặt khác, ông N không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi con chung của bà L. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao con Giản Bùi Bình A cho bà Bùi Phương L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung

3.000.000 đồng/tháng. Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà L là chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, buộc ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Giản Bùi Bình A số tiền 3.000.000 đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2024 cho đến khi con thành niên.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, bị đơn phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Phương L về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với ông Giản Đình N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Phương L được ly hôn với ông Giản Đình N.

2. Về con chung: Giao con chung Giản Bùi Bình A, sinh ngày 06/10/2016 cho bà Bùi Phương L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến ngày con thành niên.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Giản Đình N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Giản Bùi Bình A số tiền 3.000.000 đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2024 cho đến ngày con chung thành niên.

Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Buộc bà Bùi Phương L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà L đã tạm nộp theo biên lai thu số 0003849 ngày 24 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Buộc ông Giản Đình N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Bùi Phương L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Ông Giản Đình N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- UBND thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (số 149, ngày 22/5/2017);
- Lưu AV, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Thị Hằng